TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 8 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi;

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Kim T**, sinh năm: 1988; địa chỉ hộ khẩu thường trú: xóm 5, khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh **Lưu Ngọc L**, sinh năm: 1987; địa chỉ hộ khẩu thường trú hiện nay: xóm 5, khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa chị T có mặt; anh L vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2020, bản tự khai, tài liệu,chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Phan Thị Kim T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị T và anh Lưu Ngọc L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên uống rượu về đập phá đồ đạc, đi chơi về khuya, qua đêm, đặc biệt tham gia vào tệ nạn xã hội làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị T và các con; đỉnh điểm mâu thuẫn từ tháng 3/2020, anh L bỏ nhà đi cho đến nay không trở về nên chị T nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Ngọc L.

- *Về con chung:* Thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 02 người con tên là Lưu Phan Thành Đ, sinh ngày 28/10/2014, Lưu Phan Nhã V, sinh ngày 28/10/2016; hiện các con đang ở với chị T. Chị T có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi 02 con là 4.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm: sổ hộ khẩu và 02 chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Kim T và Lưu Ngọc L (bản photo); 02 giấy khai sinh (bản sao) và 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Theo bản trình bày ý kiến của anh Lưu Ngọc L trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh L và chị T tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay; vợ chồng chung sống với nhau được 07 năm. Thời gian đầu, vợ chồng cưới nhau về chung sống với gia đình cha mẹ anh L, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn nhưng từ khi ra ở riêng hơn 01 năm thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T không còn tôn trọng anh L nữa, luôn kiếm chuyện chửi bới và thậm chí đuổi anh L ra khỏi nhà, phân biệt chuyện nhà ở nhưng vì thương các con, anh L luôn cố gắng nhẫn nhịn để cùng chung sống lo cho các con. Tuy nhiên chị T vẫn không thay đổi tính nết nên anh L bức xúc bỏ đi làm ăn xa. Hiện nay được biết chị T làm đơn ly hôn với anh L thì anh L cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh L và chị T có 02 người con chung, tên là Lưu Phan Thành Đ, sinh ngày 28/10/2014, Lưu Phan Nhã V, sinh năm 28/10/2016; đối với yêu cầu nuôi con của chị T, anh L đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng nhưng không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh L mới xin được việc làm tại Hà Nội, do thời gian dịch Covid xảy ra không có việc làm, cuộc sống còn khó khăn nên không có khả năng chu cấp cho các con; nếu chị T không có khả năng nuôi các con, anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng người con Lưu Phan Thành Đ dưới sự trợ giúp của ông bà nội (cha mẹ ruột anh L).

Anh L không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (bản photo); 02 giấy khai sinh (bản sao) và 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai của nguyên đơn, các bản trình bày ý kiến của bị đơn; đơn xin giải quyết vắng mặt của bị đơn; biên bản hòa giải; biên bản xác minh do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau: về hôn nhân: Chị T có yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý ly hôn; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau: về con chung và cấp dưỡng, chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con và yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, anh L không đồng ý cấp dưỡng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Kim T đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Lưu Ngọc L không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án để tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Kim T và anh Lưu Ngọc L.

Về con chung: Giao cháu Lưu Phan Thành Đ, sinh ngày 28/10/2014 và Lưu Phan Nhã V, sinh ngày 28/10/2016 cho chị Phan Thị Kim T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. .

Anh Lưu Ngọc L phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cho chị T hàng tháng 2.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con thành niên.

Anh Lưu Ngọc L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phan Thị Kim T và anh Lưu Ngọc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Phan Thị Kim T, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Lưu Ngọc L lần thứ nhất nhưng anh L vắng mặt đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Kim T đối với anh Lưu Ngọc L.*

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Phan Thị Kim T và anh Lưu Ngọc L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại ủy ban nhân dân thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên uống rượu về đập phá đồ đạc, đi chơi về khuya, qua đêm, đặc biệt tham gia vào tệ nạn xã hội làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị T và các con; đỉnh điểm mâu thuẫn từ khoảng tháng 3/2020, anh L bỏ nhà đi cho đến nay không trở về nên chị T nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Ngọc L; trong khi đó anh L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ khi vợ chồng ra riêng, chị T luôn kiếm chuyện gây gỗ, chửi bới, phân biệt nhà riêng của chị T, thậm chí có lúc đuổi anh L ra khỏi nhà, anh L không chấp nhận được sự thái độ và cách cư xử của chị T nên bỏ nhà đi làm ăn xa cho đến nay; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh L đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn sự cảm thông chia sẻ và niềm tin đối với nhau; chị T có yêu cầu ly hôn và anh L cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Kim T đối với anh Lưu Ngọc L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung và cấp dưỡng*:

Chị T có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con Lưu Phan Thành Đ,

sinh ngày 28/10/2014 và Lưu Phan Nhã V, sinh ngày 28/10/2016 và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi 02 con là 2.000.000 đồng/tháng. Anh L đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng nhưng không cấp đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại anh chưa có khả năng để cấp dưỡng, nếu chị T không có khả năng nuôi con thì anh L có yêu cầu nuôi người con Đ và có sự giúp đỡ của ông bà nội.

Xét thấy, hiện nay các người con Đ và V đều đang ở do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh L hiện nay không có mặt tại địa phương mà đang đi làm ăn xa tại Hà Nội nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con Đ và V. Do đó, cần giao cho hai người con Lưu Phan Thành Đ và Lưu Phan Nhã V cho chị T tiếp tục nuôi con cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- *Về yêu cầu cấp dưỡng* nuôi con: chị T có yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi 02 người con là 2.000.000 đồng/tháng. Anh L cho rằng bản thân anh mới xin được việc làm tại Hà Nội nên thu nhập còn thấp lại sống ở xa nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Yêu cầu của chị T về việc buộc anh L (người không trực tiếp nuôi con) phải có cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Tuy nhiên về mức cấp dưỡng hàng tháng cần có sự cân nhắc đến các yếu tố như: nhu cầu thiết yếu của các con tại địa phương và những điều kiện về công việc, thu nhập thực tế của người phải cấp dưỡng (Anh L). Xét thấy hiện tại các cháu Đ và V hiện còn nhỏ nên nhu cầu về các chi phí thiết yếu để đảm bảo cho ăn uống, sinh hoạt và việc học tập chưa cao nên yêu cầu về mức cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng của chị T là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu hiện tại của các cháu Đ, V và khả năng thực tế của anh L nên cần được cấp nhận. Theo đó cần buộc anh Lưu Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Phan Thị Kim T mỗi tháng 2.000.000đồng/ hai người con (mỗi người con 1.000.000đồng/tháng) cho đến khi các cháu Đ và V đủ 18 tuổi.

Bên cạnh đó, điều kiện của anh L hiện đang ở xa, mới đi làm, thu nhập hàng tháng chưa cao nên không đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con một tháng 4.000.000đồng như chị T yêu cầu mà Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho cả hai người con (mỗi người con 1.000.000đồng/tháng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí:

Chị Phan Thị Kim T và anh Lưu Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 điều 147, Điều 203; khoản 1 Điều 227, 228; các Điều 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 115, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Kim T được ly hôn anh Lưu Ngọc L.

2. Về con chung:

Giao cho chị Phan Thị Kim T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con tên là Lưu Phan Thành Đ, sinh ngày 28/10/2014 và Lưu Phan Nhã V, sinh ngày 28/10/2016 cho đến khi các con thành niên.

Anh Lưu Ngọc L có quyền thăm nom, chăm sóc con và có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con cho chị T mỗi tháng 2.000.000đồng (1.000.000đồng/ một người con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

3. Về án phí:

Chị Phan Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 004584 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận. Chị Phan Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lưu Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con sung vào Ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn (chị T) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày truyên án (26/8/2020). Bị đơn (anh L) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

(Đã giải thích quyền kháng cáo)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
- Lưu hồ sơ – án văn.